

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 18-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Hợp
2. Bà Dương Thị Thu Vân
3. Ông Bùi Duy Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tân; Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T.** Sinh năm 1982 tại Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn TT, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1958. Con bà: Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1959. Vợ: Vũ Thị Th, sinh năm 1981. Có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2011, hiện đều cư trú tại: Thôn TT, xã LH, huyện GL, tỉnh HD. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

Luật sư Liêng Hót Hà Thanh – Văn phòng luật sư Phan Công Quyền, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

**** Bị hại:***

Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 4, xã ĐTH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị Phương Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn T, xã HT, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn TT, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

* Người làm chứng:

1. Bà Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp ONT, xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp ONT, xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Vắng mặt.

4. Ông Lê Hoàng T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp ONT, xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2017, Nguyễn Văn T có quen biết qua mạng xã hội với chị Đỗ Thị T1, ở thôn 4, xã ĐTH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Do thường xuyên nói chuyện điện thoại với nhau nên ngày 18/5/2018 Nguyễn Văn T từ Hải Dương vào nhà của chị Đỗ Thị T1 tại Di Linh chơi; đến ngày 20/5/2018 Toại đón xe từ huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đi xuống thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để chơi và kiếm mồi làm ăn.

Sau khi tiếp xúc với gia đình chị Đỗ Thị T1, Nguyễn Văn T thấy gia đình chị T1 có điều kiện kinh tế, thấy chị T1 có tình cảm với mình nên khi T xuống đến Long An liền nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T1. T gọi điện cho chị T1 nói bị mất hết giấy tờ và tiền bạc và hỏi mượn chị T1 số tiền 20 triệu đồng để đi lại và gặp các mối làm ăn, chị T1 tin là thật nên ngày 23/5/2018 đã chuyển cho Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đ thông qua tài khoản ngân hàng của Lê Hoàng T2. (Số tài khoản này T cung cấp cho chị T1). Khi chị T1 chuyển tiền vào tài khoản, T2 đã nhận và đưa trực tiếp cho T, sau đó T về lại Hải Dương.

Thấy chị T1 dễ tin nên Nguyễn Văn T đã lên kế hoạch để lừa chị T1 bằng hình thức nói dối là T bị các chủ hàng bắt cóc đòi tiền chuộc cụ thể:

Nguyễn Văn T sử dụng số điện thoại 0936828607 (Số này có đăng ký tài khoản Zalo) giả danh là đối tượng bắt cóc Nguyễn Văn T nhắn tin Zalo cho chị T1 với nội dung tin nhắn “*Mày có phải là vợ chưa cưới của thằng T không, thằng T cướp mồi làm ăn của bọn tao, giờ tao đang giữ nó, mày muốn gặp nó thì phải chuyển tiền cho bọn tao 300 triệu đồng bọn tao mới thả*”. Khi đó, chị T đã

gọi điện thoại rất nhiều lần nhưng T không nghe máy để giống như đang bị không chế mà T chỉ nhắn tin cho chị T1 trong vai người bắt cóc với nội dung “*Nếu mày không chuyển tiền cho bọn tao thì bọn tao sẽ bán thẳng T qua CamPu Chia*”. Khi thấy chị T1 sợ và hỏi cách chuyển tiền thì Nguyễn Văn T đã nhờ Đỗ Thị Hồng H mượn chứng minh nhân dân số 300580442 của Nguyễn Thị S ở xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An và nói chị T1 chuyển tiền vào. Ngày 25/5/2018 chị T1 đã ra ngân hàng Agribank, chi nhánh Hòa Ninh, Di Linh chuyển số tiền 300.000.000đ vào chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị S, khi biết chị T1 đã chuyển tiền, T nói H đi cùng chị S ra ngân hàng rút tiền giúp T. Lúc này T từ Hải Dương vào Long An để gặp H lấy số tiền trên.

Qua ngày hôm sau, T tiếp tục nhắn tin qua Zalo cho chị T1 yêu cầu chuyển tiếp số tiền 200.000.000đ qua số chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị S thì mới thả người, tin là thật nên ngày 28/5/2018, chị T1 tiếp tục chuyển 210.000.000đ (Gồm 200 triệu đồng theo yêu cầu của T và 10 triệu đồng để T có tiền đón xe về khi được thả). Khi biết chị T1 đã chuyển tiền, T đi cùng S đến ngân hàng Agribank, chi nhánh Kiến Tường, Long An để rút tiền, sau khi rút được tiền T đã đưa cho H 5.000.000đ và S 5.000.000đ, còn lại 200.000.000đ T đưa H giữ giúp, đến hôm sau H đưa lại cho T toàn bộ số tiền chị T chuyển 2 lần là 500.000.000đ mà T nhờ H giữ, sau khi nhận đủ tiền từ H, T về lại Hải Dương.

Sau khi chiếm được số tiền từ chị T1, T vẫn tiếp tục giả làm người bắt cóc để nhắn tin cho chị T1 với nội dung là chủ hàng cũ đã ôm tiền và bỏ trốn và giao T lại cho chủ hàng khác và yêu cầu chị T1 chuyển số tiền là 200.000.000đ nữa vào chứng minh thư của Nguyễn Thị Thùy Tr ở xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thì sẽ thả T ra, vì muốn cứu T nên ngày 04/6/2018 chị T1 lại tiếp tục ra ngân hàng Agribank chi nhánh Hòa Ninh, huyện Di Linh chuyển 200.000.000đ vào chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Thùy Tr (T quen Tr thông qua H khi T vào Long An). Khi biết chị T đã chuyển tiền, T gọi điện cho Đỗ Thị Hồng H nói H đi cùng Tr ra ngân hàng Agribank, chi nhánh Kiến Tường, Long An để làm thủ tục rút tiền và giữ giúp T, qua ngày hôm sau T đi từ Hải Dương vào Long An để lấy 200.000.000đ từ Đỗ Thị Hồng H.

Sau khi về lại Hải Dương T ra ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở tài khoản ngân hàng số 2310205206913 mang tên Nguyễn Văn T. Sau khi mở tài khoản, T tiếp tục giả là người của bọn bắt cóc nhắn tin cho chị T1 giới thiệu mình cũng tên là T (Toại B) và nói sẽ giúp đưa T ra khi nhận đủ tiền chuộc là 500.000.000đ và yêu cầu chị T1 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng số 2310205206913. Chị T1 yêu cầu được gặp T thì T lấy số điện thoại khác nói chuyện trực tiếp với chị T1 với nội dung T năn nỉ chị T1 chuyển đủ tiền chuộc cho tụi bắt cóc để T được thả ra, khi ra được T sẽ trả đủ cả gốc lẫn lãi cho chị T1. Chị T1 tin là thật nên ngày 11/6/2018 đã chuyển số tiền 500.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của T.

Khi chuyển đủ số tiền 500.000.000đ nhưng vẫn chưa thấy T được thả, chị T1 gọi điện hỏi thì T không nghe máy mà vẫn tiếp tục giả làm T (B) là người của bọn bắt cóc để nhắn tin với chị T1 nói đã thả T ra và đã về Đà Lạt và T lại bị chủ

hàng khác ở trên Đà Lạt bắt lại nên phải đưa tiền chuộc thì mới thả, T yêu cầu chị T1 chuyển thêm 1.200.000.000đ vào tài khoản. Lúc này chị T1 tin là thật nên tiếp tục chuyển số tiền 1.200.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Văn T. Số tiền này T chuyển cho bố để là Nguyễn Xuân D 100.000.000đ, số tiền còn lại T rút tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi thấy chị T1 chuyển đầy đủ số tiền mỗi lần yêu cầu nên T tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị T1 chuyển tiếp 1.000.000.000đ nữa thì mới thả T ra, lúc này chị T không còn khả năng để chuyển số tiền trên nên thương lượng với T còn năm trăm triệu đồng, T đồng ý nhưng chị T1 đã không chuyển tiền mà đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an để trình báo sự việc. Quá trình xác minh đơn trình báo của chị T1, ngày 12/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công An đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp với Nguyễn Văn T. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Như vậy, Nguyễn Văn T đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Đỗ Thị T1 với tổng số tiền là 2.420.000.000đ.

Sau khi vụ án xảy ra, cơ quan điều tra đã thu giữ trên người của Nguyễn Văn T số tiền 20.300.000đ.

Quá trình điều tra gia đình của Nguyễn Văn T đã trả cho chị T1 số tiền là 100.000.000đ.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 20.300.000đ; 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng có số IMEI: 3554.1207.7254.561, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 0978.429.563 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0881.8573.779); 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng vàng có số IMEI 1: 8639.6503.2303.455, IME2: 8639. 6503. 2303.448, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 086. 657.3721 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0001.8564.027); 01 (Một) điện thoại di động hiệu GOLY-G161 màu đỏ, trên thân máy có dòng chữ và số S/N: KLSD 20170330742, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 0162.897.3120 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0001.5266338); 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu phấn hồng có số IMEI 1: 8626.4603.5485.892, và IME2: 8626.4603.5485.884, bên trong có lắp sim 01 số thuê bao 0973.699.125 (Trên sim có dãy số 8984.0480 . 0000.5808.923) và sim 02 có số thuê bao 0167.504.5541.

Cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố, không thắc mắc khiếu nại bản Cáo trạng; đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với số tiền 20.300.000đ bị thu giữ là số tiền còn lại mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại bà T1, bị cáo đồng ý trả lại cho bị hại bà T1.

Người bị hại bà T1 xác nhận đã nhận số tiền là 100.000.000đ từ ông Nguyễn Văn D (Bố đẻ bị cáo), tại phiên tòa ông D đồng ý tự nguyện khắc phục

hậu quả cho bị cáo, bà T1 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 2.320.000.000đ.

Người liên quan bà Đặng Thị Phương Th có đơn xin xét xử vắng mặt; giữ nguyên lời khai nhận trước đây, chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng là của bà cho bị cáo T mượn, hiện đang bị thu giữ, bà không có yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại này.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 năm tù đến 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về phần tội danh như Cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo một mức án thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi của bị cáo thấy rằng; do cần tiền tiêu tài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại bà T1 dành cho bị cáo, bị cáo đã dàn dựng lên chuyện bị bắt cóc để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại nhiều lần với tổng số tiền là 2.420.000.000đ, cụ thể như sau:

Lần 1: T gọi điện cho chị T1 nói bị mất hết giấy tờ và tiền bạc và hỏi mượn chị T1 số tiền 20.000.000đ để đi lại và gặp các mối làm ăn, chị T1 tin là thật nên ngày 23/5/2018 đã chuyển cho Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đ thông qua tài khoản ngân hàng của Lê Hoàng T2.

Lần 2: Nguyễn Văn T sử dụng số điện thoại 0936828607 giả danh là đối tượng bắt cóc Nguyễn Văn T nhắn tin yêu cầu bị hại T1 chuyển 300.000.000đ qua chứng minh nhân dân số 300580442 của Nguyễn Thị S ở xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ngày 25/5/2018 chị T1 đã ra ngân hàng Agribank, chi nhánh Hòa Ninh, Di Linh chuyển số tiền 300.000.000đ vào chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị S.

Lần 3: T tiếp tục giả danh là người bắt cóc nhắn tin qua Zalo cho chị T1 yêu cầu chuyển tiếp số tiền 200.000.000đ qua số chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị S. Ngày 28/5/2018, chị T tiếp tục chuyển 210.000.000đ (Gồm 200 triệu đồng theo yêu cầu của T và 10 triệu đồng để T có tiền đón xe về khi được thả).

Lần 4: T vẫn tiếp tục giả làm người bắt cóc để nhắn tin cho chị T1 và yêu cầu chị T1 chuyển số tiền là 200.000.000đ vào chứng minh thư của Nguyễn Thị Thủy Tr ở xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ngày 04/6/2018 chị T1 lại tiếp tục ra ngân hàng Agribank chi nhánh Hòa Ninh, huyện Di Linh chuyển 200.000.00đ vào chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Thủy Tr.

Lần 5: Toại ra ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở tài khoản ngân hàng số 2310205206913 mang tên Nguyễn Văn T. Sau khi mở tài khoản, T tiếp tục giả là người của bọn bắt cóc nhắn tin cho chị T1 và yêu cầu chị T1 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng số 2310205206913 với số tiền 500.000.000đ. Ngày 11/6/2018 bị hại T1 đã chuyển số tiền 500.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của T.

Lần 6: T tiếp tục giả làm người của bọn bắt cóc để nhắn tin với chị T1 chuyển thêm 1.200.000.000đ vào tài khoản của T. Chị T1 tiếp tục chuyển số tiền 1.200.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Văn T (Gồm: Ngày 18/6/2018 chuyển 200.000.000đ; ngày 19/6/2018 chuyển một lần 600.000.000đ và 01 lần 200.000.000đ; ngày 20/6/2018 chuyển 200.000.000đ).

T tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị T1 chuyển tiếp 1.000.000.000đ, chị T1 thương lượng với T còn năm trăm triệu, T đồng ý nhưng chị T1 đã không chuyển tiền mà đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an để trình báo sự việc, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại để dàn dựng chuyện bị bắt cóc để chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo đã xâm hại đến tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an của địa phương nên cần phải có một mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Sau khi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn, tác động gia đình đã trả lại một phần số tiền chiếm đoạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại xác nhận đã nhận được 100.000.000đ của ông Nguyễn Văn D (Bố đẻ bị cáo) khắc phục hậu quả cho bị cáo, nên yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 2.320.000.000đ cho bà T1 là đúng quy định, được trừ số tiền 20.300.000đ Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 20.300.000đ là tài sản của bị hại T1 do bị cáo đã chiếm đoạt còn lại, nên cần tuyên trả lại cho bà Đỗ Thị T1 (Số tiền đã chuyển vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Ủy nhiệm chi lập ngày 04/3/2019).

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng có số IMEI: 3554.1207.7254.561, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 0978.429.563 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0881.8573.779) là của bà Đặng Thị Phương Th, bà Th không có yêu cầu nhận lại tài sản này nên sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng vàng có số IMEI 1: 8639.6503.2303.455, IMEI2: 8639. 6503. 2303. 448, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 086.657.3721 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0001.8564.027); 01 (Một) điện thoại di động hiệu GOLY-G161 màu đỏ, thân thân máy có dòng chữ và số S/N: KLSD 20170330742, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 0162.897.3120 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0001.5266338) là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu phấn hồng có số IMEI 1: 8626.4603.5485.892, và IMEI2: 8626.4603.5485.884, bên trong có lắp sim 01 số thuê bao 0973.699.125 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0000.5808.923) và sim 02 có số thuê bao 0167.504.5541 là của bị hại bà Đỗ Thị T1 nên trả lại cho bà.

(Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2019).

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/7/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho bà Đỗ Thị T1 số tiền 2.299.700.000đ.

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chưa thanh toán hết số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo

mức lãi quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên.

- Tuyên giao số tiền 20.300.000đ cho bà Đỗ Thị T1 (Số tiền đã chuyển vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Ủy nhiệm chi lập ngày 04/3/2019).

- Trả lại bà Đỗ Thị T1 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu phân hồng có số IMEI 1: 8626.4603.5485.892 và IMEI2: 8626.4603.5485.884, bên trong có lắp sim 01 số thuê bao 0973.699.125 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0000.5808.923) và sim 02 có số thuê bao 0167.504.5541.

- Sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng có số IMEI: 3554.1207.7254.561, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 0978.429.563 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0881.8573.779); 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng vàng có số IMEI 1: 8639.6503.2303.455, IMEI2: 8639. 6503. 2303. 448, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 086. 657. 3721 (Trên sim có dãy số 8984. 0480.0001.8564.027); 01 (Một) điện thoại di động hiệu GOLY-G161 màu đỏ, thân thân máy có dòng chữ và số S/N: KLSD 20170330742, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 0162.897.3120 (Trên sim có dãy số 8984.0480.0001.5266338).

(Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2019).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và nộp 77.994.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Vụ GDKT1 – TANDTC;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam; bị cáo;
- Bị hại; người liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Hiệp